Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 29

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ TÂY CỐC

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70	Giáp địa giới hành chính xã Ngọc Quan	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân (xã Phúc Lai cũ)	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.700	1.200
2		Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân (xã Phúc Lai cũ)	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân (xã Bằng Luân cũ)	7.000	3.900	2.800	2.800	1.500	1.100	2.100	1.200	800
3	Đường Quốc lộ 70B	Giáp QL70	Giáp đường rẽ tỉnh lộ 319	7.000	3.900	2.800	2.800	1.500	1.100	2.100	1.200	800
4		Giáp đường rẽ tỉnh lộ 319	Giáp địa giới hành chính xã Ca Đình cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
5	Đường tỉnh lộ 319	Giáp QL70B	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
6	Đường tỉnh lộ 323	Giáp địa giới hành chính xã Đoan Hùng	Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
7	Đường trục xã	Quốc lộ 70	Giáp xã Phú Lâm cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
8		Nhà văn hóa khu Phúc Thịnh	Nối với TL323	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
9		Quốc lộ 70B	Khu 5 Tây Cốc	5.000	2.800	2.000	2.100	1.100	800	1.640	800	600
10		Quốc lộ 70B	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
11		Ngã ba khu 3 Ca Đình	Giáp địa giới hành chính xã Chân Mộng	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
12		Ngã ba Bờ Hin	Quốc lộ 70	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
13		Ngã ba Dộc Cuồng	Giáp địa giới hành chính xã Yên Kỳ	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
14		Ngã ba khu 2 Ca Đình	Khu 4 Ca Đình	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
15		Ngã ba khu 3 Ca Đình	Ngã ba khu 4 Ca Đình	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
16		Đường rẽ giáp cầu Duỗn	Hết xã Tây Cốc	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
17		Nhà văn hóa chợ Ngà	Xóm Đồng Đam xã Bằng Luân	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
18		Trạm điện Việt Hùng 1 đi Phúc Lai	Trạm chè đội 27	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
19		Nối từ QL70 (ngã 3 khu Bến Táo)	Đầm Tai Chua khu Thuật Cổ	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
20	Đường trục xã	Cống chui cao tốc khu Văn Phú	Khu 9 Ngọc Quan	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
21		Giáp TL323	Giáp địa giới hành chính xã Ngọc Quan	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
22		Đường rẽ trạm y tế trung tâm	Giáp xã Tây Cốc cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
23		Ngã ba giáp TL323 (Tài Hồng)	Ngã tư Phúc Khuê	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
24		Ngã ba đi Ngọc Quan	Ngã ba khu Bằng Tường	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
25	Đường liên khu còn lại			2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
26	Đường xóm			2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
*	**Khu đấu giá**											
27	Khu đấu giá Duỗn Trung			4.000			1.600			1.200		
28	Khu đấu giá An Thái			8.000			3.200			2.400		
29	Khu đấu giá sứ đồng Lò gạch			8.000			3.200			2.400		
30	Khu đấu giá sứ đồng Bến Táo			8.000			3.200			2.400		
31	Khu đấu giá Đồng Từa, khu Phúc Thịnh			8.000			3.200			2.400		
32	Khu đấu giá Trước làng, khu Tân Long			8.000			3.200			2.400		
33	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			1.000			400			300		